TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 3 – 2022
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ánh Hoa

2. Ông Huỳnh Minh Bền

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Anh **Tạ Minh T,** sinh năm: 1991. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp ST, xã TP, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Chị **Lê Thúy V**, sinh năm: 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường QT, khóm B, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh Tạ Minh Tâm trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thúy V chung sống với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống anh và chị V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị V đã về nhà cha mẹ chị V sống và ly thân với anh từ tháng 3/2021 cho đến nay. Không hàn gắn được tình cảm và mối quan hệ vợ chồng, anh yêu cầu được ly hôn chị V.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với chị Lê Thúy Vi: Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và thông báo cho chị V đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập chị V đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng chị V vẫn không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh Tâm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Tạ Minh T và chị Lê Thúy V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay anh T xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Chị V cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Chị V được triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng chị V vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị V theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Minh T xác định anh và chị V không đăng ký kết hôn. Chị V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cũng không có ý kiến gửi Tòa án trình bày quan điểm của chị về những vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân của chị và anh T. Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ do anh T giao nộp, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh T và chị V không đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nơi chị V đăng ký thường trú) và Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CN, tỉnh Cà Mau (nơi anh Tđăng ký thường trú) xác nhận. Do đó có căn cứ xác định Tạ Minh T và chị Lê Thúy V không đăng ký kết hôn. Do quan hệ hôn nhân của anh T và chị V đã vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình nên không có giá trị pháp lý, không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Anh T xác định anh và chị V không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh T xác định không có. Chị V không có ý kiến về tài sản chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T xác định không có. Chị V không có ý kiến về nợ chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tạ Minh T và chị Lê Thúy V.

2 - Về con chung: Đương sự xác định không có.

3 - Về tài sản chung: Các đương sự không ai yêu cầu nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tạ Minh T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09/02/2022 anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0000923) được đối trừ chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân